

Bản án số: 157/2020/HSST
Ngày: 29/06/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lâm

2. Ông Nguyễn Đình Đạt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Hà**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 172/2020/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T** Giới tính: Nam; Sinh năm: 1970

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số B ngõ C N, phường N, quận Ba Đình, Hà Nội.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Phạm Văn M – Sinh năm 1937 (đã chết); Họ và tên mẹ: Phạm Thị V – Sinh năm 1933; Bị cáo là con út trong gia đình có 05 anh chị em; Vợ: Ngô Thị H – Sinh năm 1982; Có 02 con (Con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 11/3/2020; hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

* **Người bị hại:** Anh **Lê Tuấn A**- Sinh năm: 1973; ĐKKHKT: Số Y đường N, tổ R, phường Thượng T, Long Biên, Hà Nội (Vắng mặt).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Ngô Thị H, sinh năm: 1982; ĐKKHKT và chỗ ở: Số b ngõ U, phường N, quận Ba Đình, Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Phạm Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Qua sự giới thiệu của anh Phạm Đăng Ninh (sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ 29, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội) nên anh Lê Tuấn A biết và làm quen với Phạm Văn T. Quá trình nói chuyện với anh Ninh và Tuấn Anh, T nói có quen biết với các lãnh đạo của báo Biên Phòng (địa chỉ: số 40 Hàng Bài, phường Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội). Tháng 6 năm 2016, anh Tuấn Anh nói với T muốn xin việc cho con gái là Lê Huyền Trang vào làm việc tại báo Biên Phòng. Lúc này, do cần tiền để làm ăn nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh Tuấn Anh. T nói với Tuấn Anh tháng 6/2016 ở báo Biên Phòng có đợt tuyển nhân viên làm hợp đồng dài hạn và T có quen Tổng biên tập báo Biên Phòng tên Nguyễn Văn Hòa nên có thể xin được việc làm tại báo Biên Phòng. Thấy vậy anh Tuấn Anh tin và nhờ T xin việc hộ cho con gái là Lê Huyền Trang, T đồng ý. T nói nếu xin việc làm tại báo Biên Phòng thì chuẩn bị hồ sơ xin việc và tiền để T mang đi xin việc, anh Tuấn Anh đồng ý. Ngày 06/7/2016, tại nhà của anh Tuấn Anh ở số 106 đường Nam Đường, tổ 20 phường Thượng T, Long Biên, Hà Nội, vợ anh Tuấn Anh là chị Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1974; HKTT: tổ 20, phường Thượng T, Long Biên, Hà Nội đưa cho T 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 30.000.000 đồng để T xin việc cho chị Trang. Sau khi nhận tiền, T đọc cho chị Trang viết 01 tờ cam kết có nội dung T đã nhận 30.000.000 đồng để xin việc cho Lê Huyền Trang nếu sau 03 tháng không xin được việc sẽ trả lại tiền rồi T ký xác nhận vào tờ giấy cam kết, có anh Phạm Đăng Ninh là người chứng kiến. Ngày 30/8/2016, T gọi điện cho anh Tuấn Anh cần thêm 20.000.000 đồng để xin việc cho chị Trang, anh Tuấn Anh đồng ý. Sau đó, T đến nhà anh Tuấn Anh để lấy tiền. Tại đây, chị Huyền đã đưa 20.000.000 đồng cho T. T nhận tiền và nhờ chị Trang viết giấy cam kết với nội dung T nhận 20.000.000 đồng để xin việc cho cháu Lê Huyền Trang trong vòng 3 tháng nếu không được thì sẽ trả lại tiền, T ký tên xác nhận. Khoảng 1 tháng sau, T nói với anh Tuấn Anh nếu không xin được việc làm tại báo Biên Phòng thì sẽ xin việc cho cháu Trang làm tại Bộ giao thông vận tải và yêu cầu anh Tuấn Anh đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng, anh Tuấn Anh đồng ý. Anh Tuấn Anh cùng chị Huyền đi đến quán cà phê tại vỉa hè vườn hoa Quảng An đối diện số nhà 24 Quảng Bá, phường Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội gặp và đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng, lần này không viết giấy tờ gì. Đến tháng 12/2016, T tiếp tục yêu cầu Tuấn Anh đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng để xin việc cho cháu Trang, anh Tuấn Anh đồng ý và cùng chị Huyền mang tiền đưa cho T tại quán bia ở khu vực Trương Công Giai, Cầu Giấy, Hà Nội có sự chứng

kiến của anh Ninh. Sau khi nhận 120.000.000đồng và hồ sơ xin việc của anh Tuấn Anh, T không xin được việc cho con gái anh Tuấn Anh, số tiền 120.000.000đồng T tiêu sài cá nhân hết nên không còn tiền để trả cho anh Tuấn Anh. Đến ngày 03/01/2018, T đi cùng anh Ninh đến nhà anh Tuấn Anh. Tại đây T nhờ chị Trang viết giấy cam kết với nội dung T đã nhận của anh Tuấn Anh 120.000.000đồng để xin việc cho chị Trang nếu hết tháng 3 năm 2018 vẫn chưa xin được việc cho cháu Trang thì T sẽ trả lại 120.000.000đồng, T ký tên xác nhận, anh Ninh ký chứng kiến. Sau nhiều lần hứa hẹn xin việc mà T vẫn chưa xin được việc cho chị Trang, ngày 31/10/2018 T tiếp tục viết giấy biên nhận với nội dung nhận 120.000.000 đồng để xin việc nếu đến ngày 31/11/2018, T không xin được việc thì sẽ hoàn trả lại 120.000.000đồng. Khi đến hạn trên T vẫn không xin được việc cho chị Trang nên anh Tuấn Anh nhiều lần gọi đòi tiền T nhưng T không trả và hứa hẹn khất lần. Do vậy, anh Tuấn Anh đã viết đơn tố cáo lên cơ quan Công an.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình như nội dung trên. T khai bản thân không có mối quan hệ với tổng biên tập báo Biên Phòng nhưng do cần tiền làm ăn T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh Tuấn Anh bằng cách hứa hẹn xin việc cho cháu Trang.

Về tang vật tạm giữ của Lê Tuấn Agồm: 01 giấy cam kết đề ngày 06/7/2016, 01 giấy cam kết đề ngày 30/8/2016, 01 giấy cam kết đề ngày 03/01/2018, 01 giấy nhận tiền đề ngày 31/10/2018, 01 USB nhãn hiệu Kingston, loại 16GB màu đen.

Ngày 08/8/2019 Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên gửi công văn số 1073 đến báo Biên Phòng để phối hợp xác minh. Báo Biên Phòng đã có công văn trả lời số 118/BBP-BBT ngày 15/8/2019 trả lời thông tin như sau:

- Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến nay tòa soạn báo Biên Phòng không tiếp nhận hồ sơ xin việc vào làm việc (biên chế) của chị Lê Huyền Trang, sinh năm 1995, HKTT: Tổ 20, Thượng T, Long Biên, Hà Nội.

- Ngày 08/6/2016, Đại tá Nguyễn Hòa Văn, Tổng biên tập báo Biên phòng đã nghỉ hưu theo quy định. Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2016, Thiếu tướng Lê Như Đức, Phó chủ nhiệm Chính trị Bộ Đội Biên Phòng phụ trách báo Biên Phòng. Từ tháng 10 năm 2016 trở đi chức vụ Tổng Biên tập do Đại tá Trần Ngọc T đảm nhiệm. Như vậy, năm 2016 báo Biên Phòng không có ai tên là Nguyễn Văn Hòa làm Tổng Biên tập.

Tại kết luận giám định số 4398/C09-P5 ngày 21/8/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Các chữ “ Tôi có cầm của anh, Tuấn anh: 120,000,000 Một TRăm Hai mươi TRIệu đồng 21/1/2017” và các chữ “Tôi Phạm Văn T SCMT: 033070000039... trả 100%” tại các dòng chữ viết từ 1 đến 9 tính từ dưới lên trên mẫu giám định ký hiệu A1; các chữ, các số: “ Phạm Văn T SCMT: 033070000039” tại các dòng chữ viết thứ 3,4 tính từ trên xuống và các chữ “Phạm Văn T ” dưới mục “Người cam kết” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2; các chữ, các số: “Phạm Văn T SCMT: 033070000039” tại các dòng chữ viết thứ 4,5 tính từ trên xuống và các chữ ‘Phạm Văn T ’ dưới mục “ Người cam kết” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3; chữ viết trên mẫu cần giám định A4 so với chữ viết của Phạm Văn T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên các mẫu giám định ký hiệu A1, A2, A3(trừ chữ viết đã kết luận và các chữ “ Phạm Đăng Ninh”, “ Người làm chứng” tại các dòng chữ viết thứ 1,2 tính từ dưới lên trên mẫu cần giám định ký hiệu A3) so với chữ viết của Lê Huyền Trang trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 do cùng một người viết ra.

- Những người có mẫu chữ viết đứng tên Phạm Văn T và Lê Huyền Trang trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không viết ra các chữ “Phạm Đăng Ninh”, “Người làm chứng” tại các dòng chữ viết thứ 1,2 tính từ dưới lên trên mẫu cần giám định ký hiệu A3.

- Chữ ký trên các mẫu cần giám định A1, A2, A4; chữ ký dưới mục “Người cam kết” trên mẫu cần giám định A3 so với chữ ký của Phạm Văn T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Phạm Đăng Ninh dưới mục “Người làm chứng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký của Phạm Đăng Ninh trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 do cùng một người ký ra.

Tại kết luận giám định số 6809/C09-P6 ngày 29/11/2019 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận nội dung trong USB thu giữ của anh Tuấn Anh: không phát hiện dấu vết cắt, ghép, làm thay đổi nội dung ghi âm trong các tệp tin ghi âm trong mẫu cần giám định. File ghi âm có ghi lại nội dung việc anh Lê Tuấn Adòi Phạm Văn T số tiền 120.000.000 đồng, T hện ngày trả nhưng không trả.

Đôi với 01 giấy cam kết đề ngày 06/7/2016, 01 giấy cam kết đề ngày 30/8/2016, 01 giấy cam kết đề ngày 03/01/2018, 01 giấy nhận tiền đề ngày

31/10/2018, 01 USB nhãn hiệu Kington, loại 16GB màu đen là chứng cứ thể hiện việc T phạm tội. Lưu hồ sơ vụ án.

Về bồi thường dân sự: Ngày 05/02/2020, chị Ngô Thị Hằng (Sinh năm 1982, HKTT: số 124, ngõ 158, phường Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội là vợ của Phạm Văn T) đã tự nguyện giao nộp số tiền 120.000.000 đồng cho Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên để khắc phục số tiền mà T đã chiếm đoạt của anh Lê Tuấn Anh. Ngày 26/2/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 20 trao trả cho anh Lê Tuấn Anh số tiền 120.000.000 đồng. Anh Tuấn Anh đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu đề nghị gì khác về dân sự và viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T. Chị Hằng cũng không có yêu cầu đề nghị T phải trả số tiền trên cho chị Hằng.

Tại bản cáo trạng số 172/CT-VKS-LB ngày 04/06/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố Phạm Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt. Anh Lê Tuấn Anh – bị hại vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Anh đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 120.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự khác, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì thiệt hại không còn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Ngô Thị Hằng có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền 120.000.000 đồng chị đã bồi thường cho gia đình anh Lê Tuấn Anh.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 28 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 56 đến 60 tháng. Về dân sự: không. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, xin việc cho cháu Lê Huyền Trang để chiếm đoạt tổng số tiền là 120.000.000 đồng của anh Lê Tuấn A (là bố đẻ cháu Trang).

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo quy định tại khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, do đó cần thiết phải có hình phạt tù đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

- Tăng nặng: Không.

- Giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động để gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại thay cho bị cáo; Bố đẻ bị cáo là người có công với Nhà nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nghĩ chưa cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà có thể xem xét cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp quy định pháp luật,

không gây nguy hiểm cho xã hội và không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[6] *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Xét thấy người bị hại anh Lê Tuấn Đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về việc bồi thường, do đó vấn đề trách nhiệm dân sự Tòa án sẽ không đặt ra xem xét nữa.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: PHẠM VĂN T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng.

+ Điểm c, khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

+ Điều 135, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Xử phạt: Phạm Văn T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60 (sáu mươi)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Án phí quyền kháng cáo: Áp dụng: Các điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

+ Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền nơi cư trú.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh